TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 13 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Sào Xuân T**. Sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Chị **Triệu Thị T**. Sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Sào Xuân T và chị Triệu Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sào Xuân T và chị Triệu Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Sào Xuân T và chị Triệu Thị T có 01 con chung là Triệu Thị Bảo T sinh ngày 04/12/2015, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn, chị Triệu Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sào Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng)* mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Sào Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357/Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự".

Khoản 1 Điều 468 *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".*

2.3. Về tài sản chung: Anh Sào Xuân T và chị Triệu Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Anh Sào Xuân T và chị Triệu Thị T không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Sào Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 08647 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Triệu Thị T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lý Thị Thúy